

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ
Quý I/ 2014

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFPF1
- Ngày lập báo cáo: 08/04/2014

STT	Chi tiêu	Mã số	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
			Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
	A	B	1	2	3	4
A. Xác định Kết quả hoạt động đã thực hiện						
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư đã thực hiện	10	7,884,680,470	7,884,680,470	(3,571,815,502)	(3,571,815,502)
1	Cổ tức được nhận	11	206,519,300	206,519,300	552,847,100	552,847,100
2	Lãi trái phiếu được nhận	12	-	-	-	-
3	Lãi tiền gửi	13	-	-	-	-
4	Thu nhập bán chứng khoán	14	7,678,161,170	7,678,161,170	(4,124,662,602)	(4,124,662,602)
5	Thu nhập khác	18	-	-	-	-
II	Chi phí	30	1,372,689,203	1,372,689,203	1,116,017,546	1,116,017,546
1	Phí Quản lý Quỹ	31	1,141,353,710	1,141,353,710	868,515,306	868,515,306
2	Phí Giám sát, lưu ký tài sản Quỹ	32	68,016,797	68,016,797	65,580,760	65,580,760
3	Chi phí hợp, đại hội	33	-	-	28,006,012	28,006,012
4	Chi phí Kiểm toán	34	62,058,992	62,058,992	48,053,422	48,053,422
5	Chi phí tư vấn, định giá	35	-	-	-	-
6	Phí và chi phí khác	38	101,259,704	101,259,704	105,862,046	105,862,046
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I - II)	50	6,511,991,267	6,511,991,267	(4,687,833,048)	(4,687,833,048)
B. xác định kết quả chưa thực hiện						
I	Thu nhập	60	33,051,953,368	33,051,953,368	36,133,945,894	36,133,945,894
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61	33,051,953,368	33,051,953,368	36,133,945,894	36,133,945,894
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	62	-	-	-	-
II	Chi phí	70	-	-	166,911,781	166,911,781
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71	-	-	166,911,781	166,911,781
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	72	-	-	-	-
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ (I - II)	80	33,051,953,368	33,051,953,368	35,967,034,113	35,967,034,113

Ngân hàng Giám sát



Đỗ Thị Minh Tâm
Giám đốc Dịch Vụ Quản lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Người lập biểu



Kiều Thị Minh Hằng

Công ty quản lý quỹ
KT. Kế toán trưởng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ Tổng Giám Đốc



Ngô Thị Bạch Minh Luân
Nguyễn Vũ Ngọc Trinh

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Quý I/ 2014

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFPF1
4. Ngày lập báo cáo: 08/04/2014

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo (Quý I/2014)	Kỳ trước (Quý IV/2013)
I	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ của Quỹ	195,671,228,498	193,415,486,849
II	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	39,563,944,635	2,255,741,649
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	39,563,944,635	2,255,741,649
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư trong kỳ	-	-
III	Giá trị Tài sản ròng cuối kỳ	235,235,173,133	195,671,228,498
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ	10,987	9,139

Ngân hàng giám sát



Tổng Giám Đốc Công ty quản lý quỹ



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Quý I/ 2014

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFPF1
- Ngày lập báo cáo: 08/04/2014

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Kỳ báo cáo (Quý I/2014)	Kỳ trước (Quý IV/ 2013)	Lũy kế từ đầu năm
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư	206,519,300	1,768,769,419	206,519,300
1	Cổ tức được nhận	206,519,300	1,682,077,100	206,519,300
2	Lãi trái phiếu được nhận	-	-	-
3	Lãi tiền gửi	-	86,692,319	-
4	Các khoản thu nhập khác	-	-	-
II	Chi phí	1,372,689,203	1,187,951,772	1,372,689,203
1	Phí Quản lý trả cho công ty quản lý Quỹ	1,141,353,710	981,142,676	1,141,353,710
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát	68,016,797	65,084,026	68,016,797
3	Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (nếu có)	58,987,500	59,196,500	58,987,500
	<i>Chi phí dịch vụ nhà đầu tư</i>	58,987,500	59,196,500	58,987,500
4	Chi phí Kiểm toán	62,058,992	45,747,946	62,058,992
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ bảo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ	41,565,421	27,000,000	41,565,421
	<i>Chi phí tư vấn, định giá</i>	-	-	-
	<i>Chi phí niêm yết</i>	22,140,953	-	22,140,953
	<i>Thù lao Ban Đại Diện Quỹ</i>	19,424,468	27,000,000	19,424,468
6	Chi phí dự thảo, in ấn, gửi bản cáo bạch, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư, chi phí công bố thông tin của quỹ, chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ	-	9,535,613	-
	<i>Chi phí họp, đại hội</i>	-	9,535,613	-
7	Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ	-	-	-
8	Các loại phí khác	706,783	245,011	706,783
	<i>Phí ngân hàng</i>	706,783	245,011	706,783
	<i>Chi phí khác</i>	-	-	-
		-	-	-
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I - II)	(1,166,169,903)	580,817,647	(1,166,169,903)
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	40,730,114,538	1,674,924,002	40,730,114,538
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	7,678,161,170	-	7,678,161,170
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	33,051,953,368	1,674,924,002	33,051,953,368
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)	39,563,944,635	2,255,741,649	39,563,944,635
VI	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ	195,671,228,498	193,415,486,849	195,671,228,498
VII	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	39,563,944,635	2,255,741,649	39,563,944,635
	Trong đó			
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư trong kỳ	39,563,944,635	2,255,741,649	39,563,944,635
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư trong kỳ	-	-	-
VIII	Giá trị Tài sản ròng cuối kỳ	235,235,173,133	195,671,228,498	235,235,173,133
IX	Lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)			
	Tỷ suất lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)			



Nguyễn Vũ Ngọc Trinh

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFPF1
4. Ngày lập báo cáo: 08/04/2014

Đơn vị tính : VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo (31/03/2014)	Kỳ trước (31/12/2013)	%/ kỳ trước
I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền	17,597,487,328	4,497,499,102	391.27%
	Tiền	17,597,487,328	4,497,499,102	391.27%
	Tiền gửi ngân hàng	-	-	-
	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
I. 2	Các khoản Đầu tư	218,301,178,100	191,541,909,900	113.97%
	Trái phiếu Chính phủ	-	-	-
	Trái phiếu Công ty	-	-	-
	Cổ phiếu	218,301,178,100	191,541,909,900	113.97%
	Cổ phiếu niêm yết	218,301,178,100	191,541,909,900	113.97%
	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-
	Quyền mua	-	-	-
I. 3	Cổ tức, trái tức được nhận	3,000	215,996,000	0.00%
	Cổ tức được nhận	3,000	215,996,000	0.00%
	Trái tức được nhận	-	-	-
I. 4	Lãi được nhận	-	-	-
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	-	-	-
	Phải thu bán cổ phiếu niêm yết	-	-	-
I. 6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I. 7	Các tài sản khác	-	-	-
I. 8	TỔNG TÀI SẢN	235,898,668,428	196,255,405,002	120.20%
STT	Nợ	Kỳ báo cáo (31/03/2014)	Kỳ báo cáo (31/12/2013)	%/ kỳ trước
II. 1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán	-	-	-
	Phải trả mua cổ phiếu niêm yết	-	-	-
II. 2	Các khoản phải trả khác	663,495,295	584,176,504	113.58%
	Phí quản lý phải trả	392,750,118	326,696,542	120.22%
	Phí giám sát và phí lưu ký phải trả	22,147,755	20,000,000	110.74%
	Chi phí hợp phải trả	61,513,962	113,579,962	54.16%
	Chi phí dịch vụ nhà đầu tư phải trả	-	-	-
	Chi phí kiểm toán phải trả	167,658,992	108,900,000	153.96%
	Chi phí thù lao Ban Đại Diện Quỹ phải trả	19,424,468	15,000,000	-
	Chi phí báo giá OTC phải trả	-	-	-
II. 3	TỔNG NỢ	663,495,295	584,176,504	113.58%
	Tài sản ròng của Quỹ (I. 8 - II. 3)	235,235,173,133	195,671,228,498	120.22%
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	21,409,530	21,409,530	100.00%
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	10,987	9,139	120.22%

Ghi chú: Trong kỳ, Quỹ không có số dư về các khoản vay tiền, hợp đồng Repo, các khoản cho vay chứng khoán và hợp đồng Reverse Repo

Ngân hàng Giám sát
Tam

Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC


Tổng Giám Đốc Công ty Quản lý Quỹ
Nguyễn Vũ Ngọc Trinh